

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/HNGĐ-ST**

Ngày 24/4/2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Văn Hậu.

2. Ông Vi Văn Tý.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2023/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1998.

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1995.

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2023 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 6 năm 2016 tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị H và anh T không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay chị H nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giữa chị và anh T có một người con chung họ tên là Phạm Linh Đ, sinh ngày 22/8/2016. Quá trình làm đơn và giải quyết vụ án, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng

nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng. Tại phiên tòa, nếu ly hôn chị H vẫn giữ nguyên nguyện vọng được nuôi con Phạm Linh Đ nhưng không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đơn khởi kiện, tài liệu, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn anh T đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngày 03/4/2024, anh Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và bản trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T thừa nhận, giữa anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với nhau ngày 16 tháng 6 năm 2016 tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân. Anh T đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Vì lý do bận đi làm nên anh T không trực tiếp đến Tòa án để tham gia giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H được, anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh chị có một người con chung họ tên là Phạm Linh Đ, sinh ngày 22/8/2016. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Công an xã T, huyện Q: Trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, anh Phạm Văn T hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày ngày 16 tháng 6 năm 2016, đăng ký kết hôn giữa hai bên là hợp pháp. Chị H và anh T có một người con chung họ tên là Phạm Linh Đ, sinh ngày 22/8/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị H làm đơn xin ly hôn với anh Phạm Văn T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc, do đó cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều

228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Linh Đ, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Văn T. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn T và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn T nhưng anh T đều vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Phạm Văn T.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 6 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, các bên không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo anh T đến để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, nhưng anh T đều vắng mặt. Chị H xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với

anh T nên vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được ly hôn với anh Phạm Văn T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

[3] Về con chung: Qua xác minh tại địa phương, xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, cũng như nguyện vọng của con chung và ý kiến của chị H, anh T xét thấy cần giao con chung là Phạm Linh Đ, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, từ tháng 4 năm 2024 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Văn T. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 28, 35; 39; 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật

Tổ tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Buộc anh Phạm Văn T giao con chung là Phạm Linh Đ, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 4 năm 2024 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Văn T.

Anh Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006066 ngày 06/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quán Vi Tuấn